



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM ANALYTICAL RESULTS

Số: 00690/2026/PKQ (304.08N2607.038)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : CÔNG TY TNHH LOTTE HOTEL VIỆT NAM
Customer
Địa chỉ : Tầng 33, Trung tâm Lotte Hà Nội, Số 54 đường Liễu Giai, Phường
Address : Giảng Võ, Hà Nội, Việt Nam
Loại mẫu : Nước sạch (Nước bể bơi tầng 35)
Sample type : Water (Swimming pool water at 35th floor)
Tình trạng mẫu : Bảo quản lạnh, hãm hóa chất
Status of samples : Cold storage, chemical brake
Số lượng mẫu : 01
Number of sample
Thời gian lấy mẫu : 08/07/2026
Date of sampling
Thời gian thử nghiệm : 08/07/2026 - 28/07/2026
Date of testing

TT No	Thông số/ Target	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử/ Analytical Method	Kết quả/ Results	QCVN 01 - 1: 2024/BYT
					Giới hạn cho phép
1.	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	7,64	6 ÷ 8,5
2.	Màu sắc ^(a) / Color	Pt-Co	TCVN 6185:2015	<10	15
3.	Mùi ^(a) / odour	-	ISTEE-01:2025 (Ref.SMEWW 2150:2023)	Không có mùi lạ/ No strange odour	Không có mùi lạ No strange odour
4.	Độ đục ^(a) / Turbidity	NTU	SMEWW 2130B:2023	0,2	2
5.	Clo dư tự do ^(a) / Chlorine residue	mg/L	SMEWW 4500 Cl .G: 2023	0,64	0,2 ÷ 1
6.	Asen ^(b) / Asenic (As)	mg/L	US EPA 6020B: 2014	0,001	0,01
7.	Tổng Coliform ^(a) Total coliform	CFU/ 100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH	<1
8.	E.Coli ^(a)	CFU/ 100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH	<1

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
(a) Phép thử được công nhận VILAS
(b) Phép thử được thực hiện bởi VILAS 366



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG HÓA - LÝ MÔI TRƯỜNG
(VIMCERTS 079 - VILAS 1554)



Địa chỉ: P.400, nhà A30, số 18 Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84 - 24) 3 7675199

TT No	Thông số/ Target	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử/ Analytical Method	Kết quả/ Results	QCVN 01 - 1: 2024/BYT
					Giới hạn cho phép
9.	Amoni (tính theo N) ^(a) Amonium (NH ₄ ⁺ -N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	<0,04	1
10.	Chỉ số permanganat ^(a) / KMnO ₄ index	mg/L	TCVN 6186:1996	0,58	2
11.	<i>Pseudomonas aeruginosa</i> ^(a)	CFU /100 mL	TCVN 8881: 2011 (ISO 16266:2006)	KPH	<1
12.	<i>Staphylococcus aureus</i> ^(a)	CFU/ 100 mL	SMEWW 9213B:2023	KPH	<1

Ghi chú/Note:

- **QCVN 01-01:2024/BYT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt/ National technical regulation on Domestic Water Quality.

- **KPH:** Không phát hiện (ngưỡng phát hiện 1CFU/thể tích mẫu thử)/ KPH: Not detected (detection limit: 1 CFU/ sample volume)

Kết luận: Mẫu nước trên có các chỉ tiêu phân tích đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

Conclude: All targets of this sample come up to National technical regulation on Domestic Water Quality.

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2026
Hanoi, July 28th, 2026

ĐẠI DIỆN PHÒNG
REPRESENT OF DEPARTMENT

QA/QC

KT-VIÊN TRƯỞNG
PHÓ VIÊN TRƯỞNG
DEPUTY DIRECTOR OF INSTITUTE

Nguyễn Thị Thanh Hải

Hoàng Thị Quế

Nguyễn Tuấn Minh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.

3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

(a) Phép thử được công nhận VILAS

(b) Phép thử được thực hiện bởi VILAS 366



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM ANALYTICAL RESULTS

Số: 00691/2026/PKQ (304.08N2607.039)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : CÔNG TY TNHH LOTTE HOTEL VIỆT NAM
Customer : LOTTE HOTEL VIETNAM CO., LTD
Địa chỉ : Tầng 33, Trung tâm Lotte Hà Nội, Số 54 đường Liễu Giai,
Address : Phường Giảng Võ, Hà Nội, Việt Nam
33rd floor, Lotte Center Hanoi, No. 54 Lieu Giai Street, Giang Vo
Ward, Hanoi, Vietnam
Loại mẫu/ Sample type : Nước đá tầng 36/ Edible ice at 36th floor
Tình trạng mẫu : Bảo quản lạnh
Status of samples : Cold storage
Số lượng mẫu : 01
Number of sample :
Thời gian lấy mẫu : 08/07/2026
Date of sampling :
Thời gian thử nghiệm : 08/07/2026 - 28/07/2026
Date of testing :

TT No	Thông số Target	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Analytical Method	Kết quả Results	QCVN 10/2011/BYT
1.	Clor dư ^(a) /Chlorine residue	mg/L	SMEWW 4500-Cl .G:2023	<0,05	5
2.	Coliform ^(a)	CFU/250ml	TCVN 6187-1:2019	KPH	0
3.	E.Coli ^(a)	CFU/250 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH	0
4.	Pseudomonas aeruginosa ^(a)	CFU/250 mL	TCVN 8881:2011	KPH	0
5.	Streptococci faecal ^(a)	CFU/250 mL	TCVN 6189-2:2009	KPH	0
6.	Bào tử vi khuẩn kỵ khí khử sulfite ^(a) / Clostridia	CFU/50 mL	TCVN 6191-2:1996	KPH	0

Ghi chú/Note:

- QCVN 10/2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với nước đá dùng liền/National technical regulation for edible ice.
- KPH: Không phát hiện (ngưỡng phát hiện 1CFU/thể tích mẫu thử)/ KPH: Not detected (detection limit: 1 CFU/ sample volume)

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
(c) Phép thử được thực hiện bởi VALAS 139



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG

PHÒNG HÓA - LÝ MÔI TRƯỜNG

(VIMCERTS 079 - VILAS 1554)

Địa chỉ: P.400, nhà A30, số 18 Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84 - 24) 3 7675199



Kết luận: Mẫu nước trên có các chỉ tiêu phân tích đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với nước đá dùng liền.

Conclude: All targets of this sample come up to National technical regulation for edible ice.

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2026

Hanoi, July 28th, 2026

ĐẠI DIỆN PHÒNG
REPRESENT OF DEPARTMENT

QA/QC

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG
DEPUTY DIRECTOR OF INSTITUTE

Nguyễn Thị Thanh Hải

Hoàng Thị Quế



Nguyễn Tuấn Minh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.

3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

(c) Phép thử được thực hiện bởi VALAS 139



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM ANALYTICAL RESULTS

Số: 00692/2026/PKQ (304.08N2607.040)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm: CÔNG TY TNHH LOTTE HOTEL VIỆT NAM
Customer
Địa chỉ: Tầng 33, Trung tâm Lotte Hà Nội, Số 54 đường Liễu Giai, Phường
Address Giảng Võ, Hà Nội, Việt Nam
Loại mẫu: Nước sạch (Nước sử dụng tại bếp tầng B1)
Sample type Water (Drinking water at kitchen at B1 floor)
Tình trạng mẫu: Bảo quản lạnh, hãm hóa chất
Status of samples Cold storage, chemical brake
Số lượng mẫu: 01
Number of sample
Thời gian lấy mẫu: 08/07/2026
Date of sampling
Thời gian thử nghiệm: 08/07/2026 - 28/07/2026
Date of testing

TT No	Thông số/ Target	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử/ Analytical Method	Kết quả/ Results	QCVN 01 - 1: 2024/BYT
					Giới hạn cho phép
1.	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	7,03	6 ÷ 8,5
2.	Màu sắc ^(a) / Color	Pt-Co	TCVN 6185:2015	<10	15
3.	Mùi ^(a) / odour	-	ISTEE-01:2025 (Ref.SMEWW 2150:2023)	Không có mùi lạ/ No strange taste & odour	Không có mùi lạ No strange odour
4.	Độ đục ^(a) / Turbidity	NTU	SMEWW 2130B:2023	0,1	2
5.	Clo dư tự do ^(a) / Chlorine residue	mg/L	SMEWW 4500 Cl .G: 2023	0,21	0,2 ÷ 1
6.	Asen ^(b) / Asenic (As)	mg/L	US EPA 6020B: 2014	0,0007	0,01
7.	Tổng Coliform ^(a) Total coliform	CFU/ 100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH	<1
8.	E.Coli ^(a)	CFU/ 100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH	<1

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
(a) Phép thử được công nhận VILAS
(b) Phép thử được thực hiện bởi VILAS 366



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG HÓA - LÝ MÔI TRƯỜNG
(VIMCERTS 079 - VILAS 1554)



Địa chỉ: P.400, nhà A30, số 18 Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84 - 24) 3 7675199

TT No	Thông số/ Target	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử/ Analytical Method	Kết quả/ Results	QCVN 01 - 1: 2024/BYT
					Giới hạn cho phép
9.	Amoni (tính theo N) ^(a) Amonium (NH ₄ ⁺ -N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	<0,04	1
10.	Chỉ số permanganat ^(a) / KMnO ₄ index	mg/L	TCVN 6186:1996	0,64	2
11.	<i>Pseudomonas aeruginosa</i> ^(a)	CFU /100 mL	TCVN 8881: 2011 (ISO 16266:2006)	KPH	<1
12.	<i>Staphylococcus aureus</i> ^(a)	CFU/ 100 mL	SMEWW 9213B:2023	KPH	<1

Ghi chú/Note:

- **QCVN 01-01:2024/BYT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt/ National technical regulation on Domestic Water Quality.

- KPH: Không phát hiện (ngưỡng phát hiện 1CFU/thể tích mẫu thử)/ KPH: Not detected (detection limit: 1 CFU/ sample volume)

Kết luận: Mẫu nước trên có các chỉ tiêu phân tích đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

Conclude: All targets of this sample come up to National technical regulation on Domestic Water Quality.

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2026
Hanoi, July 28th, 2026

ĐẠI DIỆN PHÒNG
REPRESENT OF DEPARTMENT

QA/QC

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG
DEPUTY DIRECTOR OF INSTITUTE

Nguyễn Thị Thanh Hải

Hoàng Thị Quế

Nguyễn Tuấn Minh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.

3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

(a) Phép thử được công nhận VILAS

(b) Phép thử được thực hiện bởi VILAS 366



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG HÓA - LÝ MÔI TRƯỜNG
(VIMCERTS 079 - VILAS 1554)



Địa chỉ: P.400, nhà A30, số 18 Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84 - 24) 3 7675199

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
ANALYTICAL RESULTS

Số: 00693/2026/PKQ (304.08N2607.041)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : CÔNG TY TNHH LOTTE HOTEL VIỆT NAM
Customer : LOTTE HOTEL VIETNAM CO., LTD
Địa chỉ : Tầng 33, Trung tâm Lotte Hà Nội, Số 54 đường Liễu Giai, Phường
Address : 33rd floor, Lotte Center Hanoi, No. 54 Lieu Giai Street, Giang Vo
Ward, Hanoi, Vietnam
Loại mẫu/ Sample type : Nước zaccuzi / zaccuzi water
Tình trạng mẫu : Bảo quản lạnh
Status of samples : Cold storage
Số lượng mẫu : 01
Number of sample :
Thời gian lấy mẫu : 08/07/2026
Date of sampling :
Thời gian thử nghiệm : 08/07/2026 - 08/07/2026

QA/QC

ng Thị Quế

được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.
khách hàng.

hiệu lực: 15/03/2025

Trang: 9/9

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG
DEPUTY DIRECTOR OF INSTITUTE



Nguyễn Tuấn Minh

ĐẠI DIỆN PHÒNG
REPRESENT OF DEPARTMENT

Nguyễn Thị Thanh Hải

Hoàn

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
 2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không
 3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của
- (c) Phép thử được thực hiện bởi VALAS 139

BM 24-1

Ngày



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM ANALYTICAL RESULTS

Số: 00694/2026/PKQ (304.08N2607.042)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : CÔNG TY TNHH LOTTE HOTEL VIỆT NAM
Customer : LOTTE HOTEL VIETNAM CO., LTD
Tầng 33, Trung tâm Lotte Hà Nội, Số 54 đường Liễu Giai, Phường
Địa chỉ : Giảng Võ, Hà Nội, Việt Nam
Address : 33rd floor, Lotte Center Hanoi, No. 54 Lieu Giai Street, Giang Vo Ward,
Hanoi, Vietnam
Loại mẫu : Nước sạch (Nước zaccuzi)
Sample type : Water (Zaccuzi water)
Tình trạng mẫu : Bảo quản lạnh, hãm hóa chất
Status of samples : Cold storage, chemical brake
Số lượng mẫu : 01
Number of sample :
Thời gian lấy mẫu : 08/07/2026
Date of sampling :
Thời gian thử nghiệm : 08/07/2026 - 28/07/2026
Date of testing :

TT No	Thông số/ Target	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử/ Analytical Method	Kết quả/ Results	QCVN 01 - 1: 2024/BYT
					Giới hạn cho phép
1.	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	7,09	6 ÷ 8,5
2.	Màu sắc ^(a) / Color	Pt-Co	TCVN 6185:2015	<10	15
3.	Mùi ^(a) / odour	-	ISTEE-01:2025 (Ref.SMEWW 2150:2023)	Không có mùi lạ/ No strange odour	Không có mùi lạ No strange odour
4.	Độ đục ^(a) / Turbidity	NTU	SMEWW 2130B:2023	0,3	2
5.	Clo dư tự do ^(a) / Chlorine residue	mg/L	SMEWW 4500 Cl .G: 2023	0,20	0,2 ÷ 1
6.	Asen ^(b) / Asenic (As)	mg/L	US EPA 6020B: 2014	0,002	0,01
7.	Tổng Coliform ^(a) Total coliform	CFU/ 100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH	<1
8.	E.Coli ^(a)	CFU/ 100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH	<1

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.

3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

(a) Phép thử được công nhận VILAS

(b) Phép thử được thực hiện bởi VILAS 366



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG HÓA - LÝ MÔI TRƯỜNG
(VIMCERTS 079 - VILAS 1554)



Địa chỉ: P.400, nhà A30, số 18 Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84 - 24) 3 7675199

TT No	Thông số/ Target	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử/ Analytical Method	Kết quả/ Results	QCVN 01 - 1: 2024/BYT
					Giới hạn cho phép
9.	Amoni (tính theo N) ^(a) Amonium (NH ₄ ⁺ -N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	<0,04	1
10.	Chỉ số permanganat ^(a) / KMnO ₄ index	mg/L	TCVN 6186:1996	0,96	2
11.	<i>Pseudomonas aeruginosa</i> ^(a)	CFU /100 mL	TCVN 8881: 2011 (ISO 16266:2006)	KPH	<1
12.	<i>Staphylococcus aureus</i> ^(a)	CFU/ 100 mL	SMEWW 9213B:2023	KPH	<1

Ghi chú/Note:

- **QCVN 01-01:2024/BYT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt/ National technical regulation on Domestic Water Quality.

- KPH: Không phát hiện (ngưỡng phát hiện 1CFU/thể tích mẫu thử)/ KPH: Not detected (detection limit: 1 CFU/ sample volume)

Kết luận: Mẫu nước trên có các chỉ tiêu phân tích đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

Conclude: All targets of this sample come up to National technical regulation on Domestic Water Quality.

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2026
Hanoi, July 28th, 2026

ĐẠI DIỆN PHÒNG
REPRESENT OF DEPARTMENT

QA/QC

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG
DEPUTY DIRECTOR OF INSTITUTE

Nguyễn Thị Thanh Hải

Hoàng Thị Quế

Nguyễn Tuấn Minh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
 2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.
 3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- (a) Phép thử được công nhận VILAS
(b) Phép thử được thực hiện bởi VILAS 366